

Số: 1088 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 24 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục, nội dung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Tần số vô tuyến điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1625/QĐ-BKHCN ngày 04/7/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tần số vô tuyến điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 208/TTr-KHCN ngày 18/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục, nội dung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 03 thủ tục hành chính cấp tỉnh được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Tần số vô tuyến điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh (kèm theo 26 trang phụ lục).

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết TTHC theo quy trình nội bộ được phê duyệt tại quyết định này đối với các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở.

2. Trên cơ sở nội dung quy trình nội bộ được phê duyệt tại quyết định này, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các nội dung, danh mục và quy trình nội bộ thủ tục hành chính tương ứng tại cấp tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh công bố trước đây.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC-VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm Chuyển đổi số (Sở KH&CN);
- Lưu: VT. H.

nght

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Tấn Hòa

PHỤ LỤC
DANH MỤC, NỘI DUNG, QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG LĨNH VỰC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

PHẦN I
DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 03 TTHC

ST T	Tên TTHC	Mã số TTHC (CSQLQG)	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện TTHC	Cách thức thực hiện			Quyết định công bố của Bộ ngành
							Trực tiếp	BCCI	Trực tuyến	
I	LĨNH VỰC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN: 03 TTHC									
1	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	2.002788	22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Theo quy định của Bộ Tài chính	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh	X	X	Toàn trình	Quyết định số 1625/QĐ-BKHCN ngày 04/7/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ
2	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	2.002789	14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Theo quy định của Bộ Tài chính	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.	X	X	Toàn trình	Quyết định số 1625/QĐ-BKHCN ngày 04/7/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ

					địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh				
3	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	2.002790	22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	Theo quy định của Bộ Tài chính	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh	X	X	Toàn trình	Quyết định số 1625/QĐ-BKHCN ngày 04/7/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ – Mã TTHC: 2.002788

a) Trình tự thực hiện

** Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC*

Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ theo quy định tại khoản 1 Mục X Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.**

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ: Hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: In phiếu nhận và hẹn trả kết quả.

Chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu giải quyết TTHC.

** Bước 2. Giải quyết TTHC*

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

Kết quả giải quyết được chuyển lại cho Sở Khoa học và Công nghệ để chuyển đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu.

** Bước 3. Trả kết quả*

- **Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi nhận hồ sơ thông báo người nộp hồ sơ để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan (nếu có).**

- **Người nộp hồ sơ mang theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công để được hướng dẫn thực hiện các nghĩa vụ có liên quan (nếu có) và nhận kết quả.**

b) Cách thức thực hiện:

Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công.
- Nộp qua hệ thống bưu chính.
- Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần, số lượng hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu “X”)
01	Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ quy định tại khoản 1 và khoản 5 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.	

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g2 quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP).

h) Phí, lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC

Bản khai thông tin chung và Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ quy định tại khoản 1 và khoản 5 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm;
- Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện;
- Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ;
- Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022.
- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016;
- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
1.5. Email :.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:

3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)

☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép

4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:

4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.

4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g2

Áp dụng đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số

Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		☐ Liên lạc nội bộ ☐ Điều hành sản xuất ☐ Bảo vệ ☐ Liên lạc trong nhà hàng, khách sạn ☐ Khác:.....	
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....			
3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ			
4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	Địa chỉ		
	Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:E	Vĩ độ:N
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
5.2. Các mức công suất phát (W)			
5.3. Ký hiệu phát xạ			
5.4. Dải tần thiết bị (MHz)			
5.5. Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)			
5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....
6. TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ (nếu có)			
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

2. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ – Mã TTHC: 2.002789

a) Trình tự thực hiện

** Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC*

Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ theo quy định tại khoản 1 Mục XI Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.**

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ: Hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: In phiếu nhận và hẹn trả kết quả.

Chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu giải quyết TTHC.

** Bước 2. Giải quyết TTHC*

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

Kết quả giải quyết được chuyển lại cho Sở Khoa học và Công nghệ để chuyển đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu.

** Bước 3. Trả kết quả*

- **Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi nhận hồ sơ thông báo người nộp hồ sơ để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan (nếu có).**

- **Người nộp hồ sơ mang theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công để được hướng dẫn thực hiện các nghĩa vụ có liên quan (nếu có) và nhận kết quả.**

b) Cách thức thực hiện

Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công.
- Nộp qua hệ thống bưu chính.
- Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần, số lượng hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu “X”)
01	Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.	

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g2 quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐCP)

h) Phí, lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC: Bản khai thông tin chung và bản khai đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định tại khoản 1 và khoản 6 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐCP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm;
- Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện;

- Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ;
- Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022.
- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
- Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.
- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.
- Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
1.5. Email :.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:

4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.

4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

**BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

1. GIA HẠN

Số giấy phép⁽¹⁾	Mẫu giấy phép⁽²⁾	Thời gian đề nghị gia hạn⁽³⁾	Số giấy phép viễn thông/ Số giấy phép hoạt động báo chí⁽⁴⁾
...	...	...	...

2. CẤP ĐỔI

Số giấy phép⁽¹⁾	Mẫu giấy phép⁽²⁾	Lý do cấp đổi⁽⁵⁾
...	...	...

Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép

- (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn, cấp đổi.
- (2). Mẫu giấy phép: là mẫu theo quy định trên giấy phép đã được cấp (ví dụ: Mẫu 1a; Mẫu 1b, Mẫu 1c,...).
- (3). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
- (4). Số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí: kê khai số giấy phép viễn thông/số giấy phép hoạt động báo chí nếu giấy phép viễn thông/giấy phép hoạt động được cấp trước đây có thay đổi.
- (5). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,...).

3. Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ – Mã TTHC: 2.002790

a) Trình tự thực hiện

** Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC*

Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ theo quy định tại khoản 1 Mục XII Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP và nộp hồ sơ đến **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.**

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ: Hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: In phiếu nhận và hẹn trả kết quả.

Chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu giải quyết TTHC.

** Bước 2: Giải quyết TTHC*

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

Kết quả giải quyết được chuyển lại cho Sở Khoa học và Công nghệ để chuyển đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tây Ninh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu.

** Bước 3. Trả kết quả*

- Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi nhận hồ sơ thông báo người nộp hồ sơ để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan (nếu có).

- Người nộp hồ sơ mang theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công để được hướng dẫn thực hiện các nghĩa vụ có liên quan (nếu có) và nhận kết quả.

b) Cách thức thực hiện

Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công.
- Nộp qua hệ thống bưu chính.
- Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

STT	Thành phần, số lượng hồ sơ	Thành phần hồ sơ cần số hoá (đánh dấu “X”)
01	Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ quy định tại khoản 1 và khoản 5 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.	

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g2 quy định tại khoản 7 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐCP).

h) Phí, lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC

Bản khai thông tin chung và bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ quy định tại khoản 1 và khoản 5 Phụ lục II.4 ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

- Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm;
- Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện;
- Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ;
- Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022.
- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):..... Ngày cấp: Có giá trị đến: Địa chỉ thường trú:	
1.2. Mã số thuế (đối với tổ chức):..... Địa chỉ trụ sở chính: Cơ quan quản lý thuế:	
1.3. Địa chỉ liên lạc:	
1.4. Số điện thoại liên hệ :.....	
1.5. Email :.....	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến ☐ Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	

□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép

4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY

4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.

4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người
có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp
phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g2

Áp dụng đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số
 Tờ số:/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		☐ Liên lạc nội bộ ☐ Điều hành sản xuất ☐ Bảo vệ ☐ Liên lạc trong nhà hàng, khách sạn ☐ Khác:.....	
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:.....			
3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ			
4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	Địa chỉ		
	Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:E	Vĩ độ:N
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
5.2. Các mức công suất phát (W)			
5.3. Ký hiệu phát xạ			
5.4. Dải tần thiết bị (MHz)			
5.5. Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)			
5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....	☐ Bổ sung ☐ Hủy bỏ ☐ Thay thế cho thiết bị.....
6. TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ (nếu có)			
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

PHẦN III**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH****Quy trình số 1. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ – 2.002788**

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân tự bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh.	Chuyên viên làm việc tại Trung tâm PVHCC	03 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ.	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC	01 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC tỉnh, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	06 giờ làm việc
Bước 3	- Thẩm định hồ sơ: dự thảo tờ trình, dự thảo kết quả giải quyết TTHC; trường hợp không đồng ý thì dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	10 ngày
Bước 4	Xem xét dự thảo, chuyển Văn phòng Sở, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	01 ngày
Bước 5	Văn phòng Sở xem xét, trình Lãnh đạo Sở.	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
Bước 6	Ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở phụ trách	01 ngày
Bước 7	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, phát hành văn bản trình UBND tỉnh	Công chức Văn phòng sở	04 giờ làm việc

Bước 8	Tiếp nhận hồ sơ, hoàn chỉnh nội dung dự thảo kết quả giải quyết; trình ký.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	06 ngày
	Ký, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC/ văn bản trả lời	Lãnh đạo UBND tỉnh	
	Phát hành văn bản (kèm toàn bộ hồ sơ); chuyển kết quả giải quyết cho Sở Khoa học và Công nghệ.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	
Bước 9	Nhận kết quả giải quyết từ UBND tỉnh; số hóa kết quả giải quyết; chuyển trả trên hệ thống thông tin một cửa điện tử kết quả giải quyết TTHC (đồng thời chuyển hồ sơ giấy) cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư Sở và chuyên viên Phòng Chuyên môn	06 giờ làm việc
Bước 10	- Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh về kết quả giải quyết TTHC đã có tại Trung tâm PVHCC tỉnh. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC, thu phí, lệ phí (nếu có)	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	04 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 22 ngày.			

Quy trình số 2. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ – 2.002789

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân tự bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh.	Chuyên viên làm việc tại Trung tâm PVHCC	03 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ.	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC	01 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC tỉnh, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	06 giờ làm việc
Bước 3	- Thẩm định hồ sơ: dự thảo tờ trình, dự thảo kết quả giải quyết TTHC; trường hợp không đồng ý thì dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	05 ngày
Bước 4	Xem xét dự thảo, chuyển Văn phòng Sở, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	01 ngày
Bước 5	Văn phòng Sở xem xét, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
Bước 6	Ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở phụ trách	01 ngày
Bước 7	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, phát hành văn bản trình UBND tỉnh	Công chức Văn phòng sở	04 giờ làm việc

Bước 8	Tiếp nhận hồ sơ, hoàn chỉnh nội dung dự thảo kết quả giải quyết; trình ký.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	03 ngày
	Ký, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC/ văn bản trả lời	Lãnh đạo UBND tỉnh	
	Phát hành văn bản (kèm toàn bộ hồ sơ); chuyển kết quả giải quyết cho Sở Khoa học và Công nghệ.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	
Bước 9	Nhận kết quả giải quyết từ UBND tỉnh; số hóa kết quả giải quyết; chuyển trả trên hệ thống thông tin một cửa điện tử kết quả giải quyết TTHC (đồng thời chuyển hồ sơ giấy) cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư Sở và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	06 giờ làm việc
Bước 10	- Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh về kết quả giải quyết TTHC đã có tại Trung tâm PVHCC tỉnh. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC, thu phí, lệ phí (nếu có)	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	04 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 14 ngày.			

Quy trình số 3. Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ - 2.002790

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân tự bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh.	Chuyên viên làm việc tại Trung tâm PVHCC	03 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ.	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC	01 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC tỉnh, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	06 giờ làm việc
Bước 3	- Thẩm định hồ sơ: dự thảo tờ trình, dự thảo kết quả giải quyết TTHC; trường hợp không đồng ý thì dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	10 ngày
Bước 4	Xem xét dự thảo, chuyển Văn phòng Sở, trình lãnh đạo Sở.	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	01 ngày
Bước 5	Văn phòng Sở xem xét, trình Lãnh đạo Sở.	Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
Bước 6	Ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở phụ trách	01 ngày
Bước 7	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, phát hành văn bản trình UBND tỉnh.	Công chức Văn phòng sở	04 giờ làm việc

Bước 8	Tiếp nhận hồ sơ, hoàn chỉnh nội dung dự thảo kết quả giải quyết; trình ký.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	06 ngày
	Ký, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC/ văn bản trả lời.	Lãnh đạo UBND tỉnh	
	Phát hành văn bản (kèm toàn bộ hồ sơ); chuyển kết quả giải quyết cho Sở Khoa học và Công nghệ.	Công chức Văn phòng UBND tỉnh	
Bước 9	Nhận kết quả giải quyết từ UBND tỉnh; số hóa kết quả giải quyết; chuyển trả trên hệ thống thông tin một cửa điện tử kết quả giải quyết TTHC (đồng thời chuyển hồ sơ giấy) cho Trung tâm PVHCC tỉnh.	Văn thư Sở và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	06 giờ làm việc
Bước 10	- Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh về kết quả giải quyết TTHC đã có tại Trung tâm PVHCC tỉnh. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC, thu phí, lệ phí (nếu có).	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	04 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 22 ngày.			